

Học phần: **Vật lý 1 và thí nghiệm**

Nhóm: 13

Số tín chỉ:

Ngày thi: 18.06.2016

Giờ thi:

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:					10	10	20	60		
1	B15DCCN016	Đình Tuấn	Anh	D15CQCN05-B	10,0	10,0	9,0	8,5	8,9	
2	B15DCCN044	Đỗ Bùi Phương	Anh	D15CQCN11-B	9,0	4,0	8,5	6,5	6,9	
3	B15DCDT006	Nguyễn Quốc	Anh	D15CQDT02-B	10,0	9,0	10,0	6,0	7,5	
4	B15DCDT008	Vũ Tuấn	Anh	D15CQDT04-B	9,0	8,0	9,0	8,0	8,3	
5	B15DCCN015	Vương Thị Quỳnh	Anh	D15CQCN04-B	10,0	5,0	8,0	6,0	6,7	
6	B15DCDT012	Nguyễn Đức	Bằng	D15CQDT04-B	10,0	6,0	8,0	6,0	6,8	
7	B15DCAT021	Đỗ Đức	Bình	D15CQAT01-B	10,0	8,0	8,0	5,0	6,4	
8	B15DCCN059	Nguyễn Quốc	Bình	D15CQCN04-B	9,0	9,0	8,5	8,0	8,3	
9	B15DCCN063	Võ Minh	Châu	D15CQCN08-B	10,0	8,0	7,0	5,5	6,5	
10	B15DCCN071	Lê Công	Chính	D15CQCN05-B	10,0	6,0	7,0	6,0	6,6	
11	B15DCCN080	Bùi Thị	Cúc	D15CQCN03-B	10,0	4,0	8,5	8,0	7,9	
12	B15DCVT051	Lê Mạnh	Cường	D15CQVT03-B	7,0	2,0	7,5	4,0	4,8	
13	B15DCCN091	Phạm Đức	Cường	D15CQCN03-B	10,0	5,0	9,5	5,5	6,7	
14	B15DCCN101	Trần Hải	Đăng	D15CQCN02-B	9,0	8,0	7,5	3,5	5,3	
15	B15DCCN103	Hà Thị	Đào	D15CQCN04-B	10,0	6,0	8,0	6,0	6,8	
16	B15DCDT030	Trần Hưng	Đạo	D15CQDT02-B	10,0	10,0	8,0	5,5	6,9	
17	B15DCCN110	Trần Duy	Đạt	D15CQCN11-B	10,0	7,0	7,0	5,5	6,4	
18	B15DCDT036	Tạ Khánh	Du	D15CQDT04-B	6,0	5,0	8,0	6,0	6,3	
19	B15DCCN140	Lê Huỳnh	Đức	D15CQCN08-B	9,0	8,0	8,0	2,5	4,8	
20	B15DCCN134	Trần Văn	Đức	D15CQCN02-B	10,0	7,0	7,0	4,5	5,8	
21	B15DCCN149	Nguyễn Đình	Dũng	D15CQCN06-B	8,0	6,0	7,5	4,0	5,3	
22	B15DCCN160	Hà Văn	Dương	D15CQCN06-B	10,0	8,0	9,0	7,5	8,1	
23	B15DCCN162	Nguyễn Danh	Dương	D15CQCN08-B	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	Không đủ ĐKDT
24	B15DCCN169	Nguyễn Thành	Duy	D15CQCN04-B	10,0	4,0	7,5	4,5	5,6	
25	B15DCCN166	Triệu Khương	Duy	D15CQCN01-B	10,0	10,0	9,0	8,0	8,6	
26	B15DCDT052	Nguyễn Hồng	Giang	D15CQDT04-B	9,0	4,0	9,0	6,5	7,0	
27	B15DCDT062	Nguyễn Ngọc	Hải	D15CQDT02-B	10,0	7,0	8,5	5,0	6,4	
28	B15DCCN191	Cao Công	Hân	D15CQCN04-B	10,0	9,0	8,5	8,0	8,4	
29	B15DCAT064	Nguyễn Xuân	Hậu	D15CQAT04-B	9,0	7,0	7,0	6,0	6,6	
30	B15DCCN207	Hoàng Văn	Hiệp	D15CQCN09-B	10,0	9,0	9,5	8,0	8,6	
31	B15DCCN210	Nguyễn Hoàng	Hiệp	D15CQCN01-B	10,0	8,0	9,0	6,0	7,2	
32	B15DCCN206	Trần Quang	Hiệp	D15CQCN08-B	10,0	9,0	8,0	7,0	7,7	
33	B15DCDT080	Phạm Duy	Hòa	D15CQDT04-B	9,0	4,0	7,0	7,0	6,9	
34	B15DCCN232	Nguyễn Hải	Hoàn	D15CQCN01-B	10,0	9,0	8,5	7,0	7,8	
35	B15DCCN239	Nguyễn Bá	Hoàng	D15CQCN08-B	10,0	10,0	8,0	7,0	7,8	

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:					10	10	20	60		
36	B15DCVT175	Đỗ Thị	Huế	D15CQVT07-B	10,0	7,0	8,0	5,0	6,3	
37	B15DCDT088	Nguyễn Đức	Hùng	D15CQDT04-B	9,0	7,0	8,0	7,5	7,7	
38	B15DCCN255	Nguyễn Như	Hùng	D15CQCN02-B	8,0	6,0	7,5	5,0	5,9	
39	B12DCVT163	Hà Thị	Hương	D12CQVT04-B	10,0	6,0	8,5	6,0	6,9	
40	B15DCCN267	Trần Thị Xuân	Hương	D15CQCN03-B	10,0	5,0	9,0	8,0	8,1	
41	B15DCCN268	Đàm Khắc	Hữu	D15CQCN04-B	6,0	5,0	8,0	4,0	5,1	
42	B15DCCN276	Trần Đình	Huy	D15CQCN01-B	8,0	4,0	7,0	5,0	5,6	
43	B15DCVT201	Vương Khánh	Huyền	D15CQVT01-B	10,0	5,0	8,0	3,0	4,9	
44	B15DCCN290	Bùi Trung	Kiên	D15CQCN04-B	10,0	9,0	9,0	8,5	8,8	
45	B15DCCN291	Nguyễn Văn	Kiên	D15CQCN05-B	10,0	5,0	8,5	6,0	6,8	
46	B15DCCN305	Nguyễn Thùy	Linh	D15CQCN08-B	10,0	8,0	9,5	5,5	7,0	
47	B15DCVT228	Tạ Văn	Linh	D15CQVT04-B	10,0	7,0	7,5	3,0	5,0	
48	B15DCCN330	Vũ Xuân	Lượng	D15CQCN11-B	10,0	9,0	8,5	5,0	6,6	
49	B15DCCN336	Phạm Thị	Mai	D15CQCN06-B	9,0	5,0	8,5	5,5	6,4	
50	B15DCCN347	Phạm Đức	Mạnh	D15CQCN06-B	10,0	6,0	8,5	8,5	8,4	
51	B15DCCN345	Vũ Đức	Mạnh	D15CQCN04-B	9,0	5,0	8,0	7,5	7,5	
52	B15DCCN352	Lương Hải	Minh	D15CQCN11-B	10,0	6,0	7,5	4,5	5,8	
53	B15DCCN370	Hà Văn	Nam	D15CQCN07-B	8,0	5,0	7,0	4,0	5,1	
54	B15DCCN368	Nguyễn Văn	Nam	D15CQCN05-B	10,0	5,0	8,5	7,0	7,4	
55	B15DCCN374	Nguyễn Văn	Nam	D15CQCN11-B	10,0	6,0	9,0	8,0	8,2	
56	B15DCCN378	Nguyễn Văn	Nam	D15CQCN04-B	9,0	9,0	7,5	3,0	5,1	
57	B15DCCN384	Hoàng Ngọc	Nga	D15CQCN10-B	10,0	9,0	8,0	5,0	6,5	
58	B15DCCN385	Lê Công	Ngân	D15CQCN11-B	10,0	4,0	7,5	2,0	4,1	
59	B15DCVT292	Phạm Ngọc	Nhật	D15CQVT04-B	9,0	5,0	7,5	0,0	2,9	
60	B15DCCN402	Trần Thị	Nhiên	D15CQCN06-B	8,0	3,0	7,5	2,0	3,8	
61	B15DCCN415	Đỗ Như	Phước	D15CQCN08-B	8,0	8,0	8,0	5,5	6,5	
62	B15DCCN421	Bùi Anh	Phương	D15CQCN03-B	10,0	10,0	8,0	6,5	7,5	
63	B15DCCN417	Lê Thị	Phương	D15CQCN10-B	10,0	8,0	8,0	6,5	7,3	
64	B15DCCN416	Nguyễn Thị	Phương	D15CQCN09-B	10,0	7,0	9,0	8,0	8,3	
65	B15DCCN424	Nguyễn Thị	Phượng	D15CQCN06-B	7,0	5,0	7,5	5,5	6,0	
66	B15DCCN432	Lưu Xuân	Quân	D15CQCN03-B	9,0	7,0	9,0	8,0	8,2	
67	B15DCCN433	Nguyễn Hồng	Quân	D15CQCN04-B	10,0	8,0	8,5	6,0	7,1	
68	B12CCVT118	Nguyễn Thế	Quân	C12CQVT02-B	8,0	4,0	6,0	0,0	2,4	
69	B15DCCN438	Hà Minh	Quang	D15CQCN09-B	10,0	7,0	9,0	6,5	7,4	
70	B15DCAT145	Nguyễn Văn	Son	D15CQAT01-B	8,0	5,0	6,0	2,0	3,7	
71	B15DCCN481	Trần Văn	Tân	D15CQCN08-B	10,0	10,0	9,5	7,0	8,1	
72	B15DCCN498	Nguyễn Công	Thắng	D15CQCN03-B	9,0	8,0	8,0	5,5	6,6	

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:					10	10	20	60		
73	B15DCCN512	Đình Công	Thành	D15CQCN06-B	9,0	7,0	8,5	5,0	6,3	
74	B15DCCN515	Hoàng Đức	Thành	D15CQCN09-B	10,0	5,0	8,0	7,0	7,3	
75	B15DCCN520	Nguyễn Văn	Thành	D15CQCN03-B	10,0	9,0	8,5	9,0	9,0	
76	B15DCCN526	Phạm Thị Bích	Thảo	D15CQCN09-B	10,0	9,0	9,5	9,0	9,2	
77	B15DCCN525	Phạm Thị Phương	Thảo	D15CQCN08-B	10,0	6,0	9,0	7,5	7,9	
78	B15DCCN536	Nguyễn Quốc	Thịnh	D15CQCN08-B	9,0	7,0	7,5	3,0	4,9	
79	B15DCCN542	Nguyễn Thị	Thu	D15CQCN03-B	10,0	6,0	8,5	6,5	7,2	
80	B15DCCN543	Nguyễn Thị	Thu	D15CQCN04-B	10,0	7,0	7,5	6,5	7,1	
81	B15DCCN547	Đặng Văn	Thuận	D15CQCN08-B	9,0	8,0	8,0	7,0	7,5	
82	B15DCCN559	Nguyễn Thị	Trang	D15CQCN09-B	10,0	5,0	8,0	4,0	5,5	
83	B15DCVT407	Nguyễn Thùy	Trang	D15CQVT07-B	9,0	3,0	5,0	2,0	3,4	
84	B15DCCN596	Hoàng Văn	Tú	D15CQCN02-B	10,0	5,0	7,0	2,0	4,1	
85	B15DCCN630	Doãn Hoàng	Tùng	D15CQCN03-B	8,0	6,0	8,5	2,0	4,3	
86	B15DCCN618	Mai Duy	Tùng	D15CQCN02-B	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	Không đủ ĐKDT
87	B15DCCN619	Nguyễn Huy	Tùng	D15CQCN03-B	7,0	4,0	7,5	2,0	3,8	
88	B15DCCN624	Nguyễn Thanh	Tùng	D15CQCN08-B	8,0	6,0	7,5	2,0	4,1	
89	B15DCCN620	Nguyễn Văn	Tùng	D15CQCN04-B	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	Không đủ ĐKDT
90	B15DCCN653	Trần Văn	Vũ	D15CQCN04-B	10,0	10,0	9,0	3,5	5,9	

Ghi chú:

- Số SV theo DS:	90	SV	- Số SV dự thi:	87	SV
- Số SV thi đạt:	81	SV	- Số SV vắng thi:	0	SV
- Số SV thi không đạt:	9	SV	- Số SV vắng thi có phép:	0	SV
- Số SV thi lại:	0	SV			

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2016

CÁN BỘ KHỚP PHÁCH

TRƯỞNG TRUNG TÂM

SỐ 1

SỐ 2

Nguyễn Cảnh Châu

Ngô Hồng Quân

Nguyễn Xuân Trường